

ẢNH HƯỞNG CỦA DÒNG TIỀN TỰ DO ĐẾN GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP: BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TỪ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thúy Phượng¹

¹Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

*Tác giả liên hệ: Email: phuong.ntt@due.edu.vn

Ngày nhận: 25/03/2025 Ngày chấp nhận: 04/08/2025 Ngày đăng: 25/04/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i2.863

Phụ lục 1. Định nghĩa các biến được sử dụng trong mô hình hồi quy và ảnh hưởng kỳ vọng

Phụ lục này tóm tắt việc đo lường các biến và ảnh hưởng kỳ vọng của các biến được sử dụng trong nghiên cứu.

| Ký hiệu biến | Tên biến | Ảnh hưởng kỳ vọng | Đo lường |
|--------------|---------------------------------|-------------------|---|
| FV | Giá trị doanh nghiệp | | (Vốn hóa thị trường của cổ phần thường + Giá trị các khoản nợ có chi phí sử dụng vốn + Giá trị cổ phần ưu đãi (nếu có) + Lợi ích của cổ đông không nắm quyền kiểm soát (nếu có) - Giá trị các tài sản phi hoạt động |
| MBV | | | Giá thị trường của vốn chủ sở hữu/Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu |
| Tobin's Q | | | (Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu + Giá trị sổ sách của nợ)/Tổng tài sản |
| FCF | Dòng tiền nhân rồi | + | Dòng tiền nhân rồi/Tổng tài sản của doanh nghiệp |
| SIZE | Quy mô công ty | + | Logarit tự nhiên của tổng tài sản |
| ROA | Tỷ suất sinh lời của tài sản | + | Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản |
| ROE | Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu | + | Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu |
| CAPSTRUCT | Cấu trúc vốn | - | Nợ phải trả/Tổng tài sản |
| DIVYIELD | Tỷ suất sinh lời của cổ tức | + | Cổ tức/Giá cổ phiếu |

Phụ lục 2. Kết quả thống kê mô tả của các biến trong mô hình

Phụ lục này tóm tắt kết quả thống kê của các biến được sử dụng trong nghiên cứu, trong đó giá trị doanh nghiệp được đo lường dựa theo Thông tư số 36/2024/TT-BTC của Bộ Tài Chính (FV), theo Tobin's Q và theo tỷ số giữa giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu và giá trị ghi sổ của vốn chủ sở hữu (MBV). Mẫu nghiên cứu bao gồm các công ty phi tài chính niêm yết trên sàn HOSE và HNX trong giai đoạn 2017-2021.

| Biến nghiên cứu | Số quan sát | Giá trị trung bình | Độ lệch chuẩn | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|-----------------|-------------|--------------------|---------------|------------------|------------------|
| FV | 2702 | 1,19 | 1,04 | 0,05 | 18,09 |
| MBV | 2702 | 2,09 | 3,67 | 0,00 | 170,92 |
| Tobin's Q | 2702 | 1,53 | 1,01 | 0,52 | 18,60 |
| FCF | 2702 | 0,07 | 0,25 | -0,90 | 10,37 |
| SIZE | 2702 | 7,18 | 1,59 | 2,72 | 12,97 |
| ROA | 2702 | 0,06 | 0,08 | -0,85 | 0,54 |
| ROE | 2702 | 0,10 | 0,80 | -40,82 | 1,59 |
| CAPSTRUCT | 2702 | 0,48 | 0,22 | 0,00 | 1,29 |
| DIVYIELD | 2702 | 0,03 | 0,05 | 0,00 | 1,30 |

Phụ lục 3: Tương quan giữa các biến trong mô hình

Phụ lục này tóm tắt tương quan giữa các biến được sử dụng trong mô hình. Mẫu nghiên cứu bao gồm các công ty phi tài chính niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE và HNX trong giai đoạn 2017-2021.

| Biến | FV | MBV | Tobin'Q | FCF | SIZE | ROA | ROE | CAPSTRUCT | DIVYIELD |
|-----------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|-------|-----------|----------|
| FV | 1 | | | | | | | | |
| MBV | 0.39 | 1 | | | | | | | |
| Tobin's Q | 0.98 | 0.41 | 1 | | | | | | |
| FCF | 0.21 | 0.04 | 0.21 | 1 | | | | | |
| SIZE | 0.04 | 0.08 | 0.03 | -0.05 | 1 | | | | |
| ROA | 0.32 | 0.03 | 0.32 | 0.28 | -0.03 | 1 | | | |
| ROE | 0.03 | -0.06 | 0.03 | 0.07 | 0.01 | 0.22 | 1 | | |
| CAPSTRUCT | -0.29 | 0.04 | -0.22 | -0.14 | 0.32 | -0.34 | -0.05 | 1 | |
| DIVYIELD | -0.08 | -0.06 | -0.06 | 0.10 | -0.18 | 0.31 | 0.06 | -0.07 | 1 |